

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/KDTM-ST

Ngày: 30/8/2019

*“V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoàn

Các hội thẩm dân nhân: Ông Nguyễn Văn An.

Ông Nguyễn Đăng Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thu Hương - Thư ký tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 15/2019/TLST-KDTM ngày 02/5/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-KDTM ngày 11/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C.

Địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nhàn- Trưởng phòng phòng bán lẻ theo văn ủy quyền số 900/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 16/11/2018 của ông Lê Đức Thọ- Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức Q, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Bà Trần Thị T, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Cùng HKTT: thôn K, xã H, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện cùng các lời khai tiếp theo tại tòa án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Nhân đại diện trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, ngày 13/3/2017 Ngân hàng TMCP C và bà Trần Thị T, ông Nguyễn Đức Q đã xác lập hợp đồng tín dụng số 0103/2017-HĐTDHM/NHCT285 với nội dung Ngân hàng TMCP C cho bà T, ông Q vay tiền trong thời hạn duy trì hạn mức với tổng mức dư nợ vay tại mọi thời điểm không vượt quá 1.500.000.000đ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động mua bán gỗ và sản xuất kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ, thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 9 tháng; lãi suất cho vay của từng khoản nợ là lãi suất ngày được ghi trên từng giấy nhận nợ; lãi suất cho vay được điều chỉnh theo quy định của ngân hàng trong twfngf thời kỳ, hiện đang áp dụng là 9,5%/năm; lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận về việc thanh toán phí, lãi, nợ gốc, biện pháp bảo đảm và các nội dung khác.

Tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của ông Q bà T với ngân hàng gồm quyền sử dụng thửa đất số 114, tờ bản đồ số 6, diện tích 334m²; địa chỉ thửa đất tại thôn Kim Thiều, xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 104968, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00030 do UBND thị xã Từ Sơn cấp ngày 23/7/2010 mang tên ông Q, bà T cùng toàn bộ tài sản trên đất. Tài sản được thế chấp tại ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 050115/HĐTC, công chứng số 98/2015, quyền số 01Tp/CC-SCC/HĐGD tại phòng công chứng số 2 tỉnh Bắc Ninh và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật cùng văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/VBSĐ ngày 01/9/2016 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/VBSĐ ngày 10/3/2017.

Thực hiện theo hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân cho bà T, ông Q vay số tiền 1.500.000.000đ theo giấy nhận nợ số 04 ngày 01/12/2017 và giấy nhận nợ số 05 ngày 02/3/2018; các khoản vay trong hai giấy nhận nợ này đều có thời hạn vay là 09 tháng; lãi suất vay vốn 9.5%/năm, ngày trả lãi là ngày 20 hàng tháng. Đến thời hạn trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký giữa Ngân hàng TMCP C với bà T, ông Q nhưng bà T, ông Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, toàn bộ các khoản tiền vay của bà T, ông Q bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 30/8/2018.

Tính đến ngày 05/7/2019, bà T, ông Q còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 1.500.000.000đ, tiền lãi là 196.926.026đ.

Nay Ngân hàng TMCP C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T, ông Q phải thanh toán số tiền tính đến ngày 30/8/2019 là 1.730.176.090 đ gồm 1.500.000.000đ tiền gốc; 22.957.009đ tiền lãi trong hạn; 207.219.081 tiền lãi quá hạn và phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 31/8/2019 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký. Trường hợp bà T, ông Q không trả được nợ hoặc trả không hết nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn là bà Trần Thị T, ông Nguyễn Đức Q trình bày:

Phía bị đơn thống nhất với đại diện nguyên đơn trình bày về thời gian, điều kiện ký kết và nội dung hợp đồng tín dụng số 0103/2017-HĐTDHM/NHCT285 và giấy nhận nợ số 04 ngày 01/12/2017 và giấy nhận nợ số 05 ngày 02/3/2018. Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh KCN Tiên Sơn đã giải ngân cho vợ chồng ông Q, bà T vay tổng số tiền 1.500.000.000đ. Tuy nhiên, do kinh doanh thua lỗ nên vợ chồng ông bà vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ. Vợ chồng ông bà nhất trí với lời trình bày của đại diện nguyên đơn về số tiền nợ tính đến ngày 05/7/2019 số tiền nợ gốc là 1.500.000.000đ và tiền nợ lãi là 196.926.026đ. Ông Q, bà T nhất trí chịu khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 06/7/2019 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết giữa hai bên. Vợ chồng ông bà đề nghị nguyên đơn cho vợ chồng ông bà được trả dần số nợ trên trong thời hạn 03 năm và xin trả gốc trước.

Hết thời hạn này mà ông bà không trả hết nợ cho nguyên đơn thì ông bà đồng ý để cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp cho ngân hàng là quyền sử dụng thửa đất số 114 tờ bản đồ 06 nay là thửa số 108, tờ bản đồ 61 cùng toàn bộ tài sản trên đất tại thôn Kim Thiều, xã Hương Mạc, Từ Sơn, Bắc Ninh để trả nợ cho ngân hàng. Toàn bộ tài sản trên thửa đất này là do ông bà xây dựng, thuộc sở hữu của ông bà hiện do ông bà quản lý, sử dụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc ông Q bà T phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP C số tiền gốc là 1.500.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 30/8/2019 là 230.176.090đ; tổng cộng là

1.730.176.090đ. Kể từ ngày 31/8/2019, ông Q, bà T còn phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết với ngân hàng. Trường hợp ông Q, bà T không trả được nợ hoặc trả không hết nợ thì ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp của ông Q, bà T là quyền sử dụng thửa đất số 114 tờ bản đồ 06 nay là thửa số 108, tờ bản đồ 61 cùng toàn bộ tài sản trên đất tại thôn Kim Thiều, xã Hương Mạc, Từ Sơn, Bắc Ninh để thu hồi nợ cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

{1} Về tố tụng: Ông Q, bà T đã được tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Ngân hàng TMCP C khởi kiện yêu cầu tòa án buộc vợ chồng ông Q, bà T có HKTT tại thôn Kim Thiều, xã Hương Mạc, Từ Sơn, Bắc Ninh phải trả số tiền gốc, lãi của Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

{2} Xét hợp đồng tín dụng số 0103/2017-HĐTDHM/NHCT285; giấy nhận nợ số 04 ngày 01/12/2017; giấy nhận nợ số 05 ngày 02/3/2018 và Hợp đồng thế chấp số 050115/HĐTC ngày 22/01/2015 cùng văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/VBSD ngày 01/9/2016 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/VBSD ngày 10/3/2017, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc lập hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng; Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền. Mặc dù, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được lập ngày 22/01/2015 nhưng theo thỏa thuận tại mục 1.01 Điều 1 của hợp đồng này thì “nghĩa vụ được bảo đảm” là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn của bên B tức của ông Q bà T đối với bên A (Ngân hàng TMCP C) phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp bảo lãnh, hợp đồng cấp tín dụng khác và các văn bản sửa đổi bổ sung mà bên B ký với bên A trước, cùng và/hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng này. Do vậy, hợp đồng thế chấp

này nhằm đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của ông Q, bà T phát sinh từ Hợp đồng cấp tín dụng 0103/2017-HĐTDHM/NHCT285; giấy nhận nợ số 04 ngày 01/12/2017; giấy nhận nợ số 05 ngày 02/3/2018. Các hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

{3} Về nội dung tranh chấp: Đại diện nguyên đơn và bị đơn đều xác định phía bị đơn là ông Q, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký kết giữa các bên. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 30/8/2019 là phù hợp với thỏa thuận của các bên cũng như quy định tại điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Số tiền gốc chưa thanh toán: từ lời trình bày của các đương sự và đối chiếu với tài liệu nguyên đơn cung cấp có đủ căn cứ xác định: Ngày 01/12/2017, Ngân hàng TMCP C đã giải ngân cho ông Q, bà T vay số tiền gốc là 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) theo giấy nhận nợ số 04 và ngày 02/3/2018 cho vay tiếp 200.000.000đ theo giấy nhận nợ số 05. Ông Q, bà T chưa thanh toán được khoản tiền gốc nào. Vì vậy, số tiền gốc chưa thanh toán là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Về số tiền lãi chưa thanh toán: tính đến ngày 30/8/2019 số tiền lãi ông Q, bà T chưa thanh toán là 230.176.090đ gồm 22.957.009đ lãi trong hạn; 207.219.081đ lãi quá hạn.

Về xử lý tài sản thế chấp: để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký kết thì ngân hàng với ông Q, bà T đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 050115/HĐTC ngày 22/01/2015 cùng văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/VBSD ngày 01/9/2016 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/VBSD ngày 10/3/2017. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 114, tờ bản đồ 6, diện tích 334 m² nay là thửa đất số 108, tờ bản đồ 61 tại thôn Kim Thiều, xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cùng toàn bộ tài sản trên thửa đất này, giấy tờ về tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 104968, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00030/QĐ-UBND 537 do UBND thị xã Từ Sơn cấp ngày 23/7/2010 mang tên ông Nguyễn Đức Q, bà Trần Thị T. Đại diện nguyên đơn và bị đơn đều xác định hiện trạng tài sản thế chấp tại thời điểm tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ không thay đổi so với thời điểm ký hợp đồng thế chấp. Theo ông Q, bà T thì toàn bộ tài sản trên đất là của vợ chồng ông xây dựng, hiện do vợ chồng ông quản lý, sử dụng. Qua xác minh tại địa phương thì thửa đất trên không có tranh chấp gì với ai, sở dĩ có sự thay đổi về diện tích là do sai số khi đo đạc. Vì vậy, trường hợp ông Q, bà T không trả được nợ

hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nói trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

{4} Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về chi phí này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 28, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ điều 317, 318, 320, 342, 351, 463, 466, 468 và điều 688 Bộ luật dân sự;

Điều 91, điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán thông qua ngày 07/10/2016

Căn cứ nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C

Buộc ông Nguyễn Đức Q, bà Trần Thị T phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP C số tiền 1.730.176.090 đ (Một tỷ bảy trăm ba mươi triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm chín mươi đồng) gồm 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tính đến ngày 30/8/2019 là 230.176.090đ (Hai trăm ba mươi triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm chín mươi đồng)

Kể từ ngày 31/8/2019, ông Q, bà T phải chịu tiền lãi phát sinh của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0103/2017-HĐTDHM/NHCT285; giấy nhận nợ số 04 ngày 01/12/2017; giấy nhận nợ số 05 ngày 02/3/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc chưa thanh toán.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP C thì lãi suất mà ông Q, bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo bản án này cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Q, bà T không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 114, tờ bản đồ 6,

diện tích 334 m² nay là thửa đất số 108, tờ bản đồ 61 tại thôn Kim Thiều, xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cùng toàn bộ tài sản trên thửa đất này, giấy tờ về tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 104968, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00030/QĐ-UBND 537 do UBND thị xã Từ Sơn cấp ngày 23/7/2010 mang tên ông Nguyễn Đức Q, bà Trần Thị T cùng toàn bộ tài sản trên thửa đất này để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP C.

Về án phí: Ông Q, bà T phải chịu 63.905.000đ (Sáu mươi ba triệu chín trăm linh năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.803.000đ (Ba mươi triệu tám trăm linh ba nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0002159 ngày 02/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; và mục 4, 5 điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Từ Sơn;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Hoàn

